

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2017

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 234/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 60 Hồ Văn L, khu phố A, phường T, quận B, thành phố H.

- *Bị đơn:* Anh Võ Thanh S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh T.

Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh S vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/5/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị D trình bày: Chị với anh S chung sống vợ chồng năm 2010, đăng ký kết hôn năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian,

thì vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng ý kiến, sống không hòa hợp trong thời gian dài, nguyên nhân do anh S sống không chung thủy có mối quan hệ bên ngoài, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và đã ly thân từ tháng 10 năm 2013 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Hoàng N, sinh ngày 28/8/2011. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo hoãn phiên kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang trình bày:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị D yêu cầu ly hôn với anh S phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh S; Về con chung, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh S cấp dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng; Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết

Tóm lại về cơ bản vụ án giải quyết đảm bảo quy định của tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa

nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị D, anh S theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D với anh S là hợp pháp. Chị D xác định sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng như trên. Nay chị D xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Xét thời gian vợ chồng ly thân đã lâu nhưng anh S không có biện pháp cụ thể nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng và cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu ly hôn của chị D nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Hơn nữa, chị D vẫn cương quyết xin ly hôn với anh S.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị D có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D, anh S có một con chung tên Võ Hoàng N, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2011, hiện do chị D nuôi dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của chị D thấy rằng: Cháu N do chị D nuôi dưỡng đã ổn định. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu N theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu N cho chị D nuôi dưỡng.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định không có, anh S không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nếu sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thùy D ly hôn với anh Võ Thanh S

2. Về con chung: Giao cháu Võ Hoàng N, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi cháu N, do chị D không yêu cầu.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 14524 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị D đã thi hành xong án phí.

3. Chị D, anh S có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức